

Số: 171 /KH-UBND

Nghệ An, ngày 17 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch sơ kết 03 năm triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 09-NQ/TU) và triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động qua 03 năm triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025.

(có danh sách các kế hoạch tại Phụ lục 01 kèm theo).

b) Xác định những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, từ đó đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, sáng tạo, đột phá để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn, đạt hiệu quả cao.

c) Tiếp tục nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu các Cấp ủy đảng, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo; vai trò tham mưu tổ chức, thực hiện của các cấp, các ngành, địa phương để triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025; góp phần đẩy mạnh công tác chuyển đổi số và CCHC trên địa bàn toàn tỉnh. Đồng thời, gắn kết việc nghiên cứu, định hướng triển khai công tác chuyển đổi số với việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Bám sát các nội dung của Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025 để đánh giá nghiêm túc, khách

quan, đầy đủ kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện.

b) Việc sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025 bảo đảm nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, bám sát tình hình thực tế, nhìn nhận khách quan những hạn chế, yếu kém trong 03 năm triển khai. Các Sở, ban, ngành, địa phương tiến hành đúng trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn, đánh giá cụ thể trong từng ngành, từng lĩnh vực, từ đó, đề xuất những chủ trương, cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đạt được mục tiêu chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 theo định hướng của Trung ương, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC SƠ KẾT

1. Nội dung sơ kết

Sơ kết, đánh giá 03 năm (từ tháng 8/2022 đến tháng 8/2025) thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025, gồm các nội dung:

a) Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025.

b) Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025; chương trình, kế hoạch của các Sở, ban, ngành, địa phương cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025.

c) Làm rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, đề xuất, kiến nghị.

d) Đề ra nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030.

(Đề cương và các bảng biểu báo cáo chi tiết tại Phụ lục 02-05 kèm theo)

2. Hình thức sơ kết

a) Đối với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, đơn vị lựa chọn hình thức phù hợp để tổ chức đánh giá kết quả 03 năm triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025 ở cấp mình, cụ thể:

- UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã sơ kết và **hoàn thành trước 01/06/2025**.

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện sơ kết **hoàn thành trước 15/6/2025**. Hoàn chỉnh báo cáo gửi về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) **trước ngày 01/07/2025**.

b) Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An (Sở Khoa học và Công nghệ) phối hợp Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các đơn vị có liên quan làm việc với các địa phương, đơn vị để khảo sát, kiểm tra, đánh giá kết quả sơ kết 03 năm triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025.

c) Trên cơ sở báo cáo sơ kết của sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và kết quả khảo sát, kiểm tra, đánh giá Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết 03 năm triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025. **Hoàn thành báo cáo trước ngày 01/08/2025.**

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh dự thảo báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025.

b) Chủ trì, phối hợp Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các đơn vị có liên quan làm việc với các địa phương, đơn vị để khảo sát, kiểm tra, đánh giá kết quả sơ kết 03 năm triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025.

c) Xây dựng, sản xuất phóng sự (khoảng 12-15 phút) kết quả sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025 để phát trên sóng NTV và các nền tảng truyền thông khác.

d) Chỉ đạo, định hướng các cơ quan Chỉ đạo các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Nghệ An và các cơ quan thông tin cấp huyện, cấp xã có kế hoạch tuyên truyền, đưa tin việc sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 09-NQ/TU và những kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện đến các tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp.

e) Trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành và căn cứ quy định phân cấp kinh phí hiện hành, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp gửi Sở Tài chính xem xét thẩm định theo đúng quy định trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo

trình Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở tổng hợp dự toán kinh phí của Sở Khoa học và Công nghệ, căn cứ quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã

Tổ chức đánh giá kết quả 03 năm triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025 ở cấp mình. Tổng hợp báo cáo (theo đề cương kèm theo kế hoạch này) gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

5. Báo Nghệ An, Đài PTTH tỉnh, Công TTĐT tỉnh

Tuyên truyền, đưa tin việc sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 09-NQ/TU và những kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện đến các tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp.

Trên đây là Kế hoạch sơ kết 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025, UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, địa phương chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo NA, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T. Anh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long

**Phụ lục 01: DANH SÁCH CÁC KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN
NĂM 2025 DO UBND TỈNH BAN HÀNH**

(Kèm theo Kế hoạch số: 171 /KH-UBND ngày 17 /3/2025 của UBND tỉnh)

TT	SỐ KÝ HIỆU	NGÀY BAN HÀNH	TRÍCH YẾU
1.	605/KH-UBND	31/08/2022	Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
2.	630/KH-UBND	14/09/2022	Kế hoạch chuyển đổi số hệ thống Thư viện công cộng trên địa tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
3.	774/KH-UBND	08/11/2022	Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn 2030
4.	102/KH-UBND	23/02/2023	Kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo Nghệ an đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
5.	132/KH-UBND	03/03/2023	Kế hoạch thực hiện chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025
6.	244/KH-UBND	10/04/2023	Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030
7.	347/KH-UBND	24/05/2023	Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
8.	671/KH-UBND	11/09/2023	Kế hoạch phát triển Hạ tầng số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025
9.	845/KH-UBND	06/11/2023	Kế hoạch thực hiện Đề án chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
10.	914/KH-UBND	27/11/2023	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh Nghệ An

11.	113/KH-UBND	16/02/2024	Kế hoạch thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Nghệ An
12.	174/KH-UBND	08/03/2024	Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của các cơ quan báo chí Nghệ An
13.	495/KH-UBND	27/06/2024	Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược dữ liệu Quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
14.	655/KH-UBND	22/08/2024	Kế hoạch triển khai thực hiện Giai đoạn 2 theo Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030
15.	833/KH-UBND	31/10/2024	Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2025

**Phụ lục 02: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO DÀNH CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
CẤP TỈNH VÀ UBND CẤP HUYỆN**

**Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai
nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: 171 /KH-UBND ngày 17 /3/2025 của UBND tỉnh)

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TU

Yêu cầu đánh giá cụ thể, đi thẳng vào nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025; nhiệm vụ, giải pháp các đơn vị đã đề ra, kết quả đánh giá cần cụ thể hóa bằng các số liệu, trường hợp điển hình và phân tích rõ những tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất cụ thể những kiến nghị, giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Nội dung đánh giá bố cục theo các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Nội dung này đánh giá kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025.

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TU VÀ CÁC KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NHIỆM
VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025**

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

2. Phát triển hạ tầng số

- Tình hình triển khai phát triển hạ tầng kỹ thuật số tại đơn vị, địa phương đảm bảo kết nối liên thông, xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã. Kết quả tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các Sở, ban, ngành, địa phương; Kết quả triển khai chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây. Tình hình, kết quả triển khai cập nhật, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia theo lộ trình triển khai của các bộ, ngành và Chính phủ; Kết quả ứng dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

- Tình hình triển khai hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Tình hình triển khai chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường điện tử; thực hiện số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

3. Phát triển nhân lực chuyển đổi số

- Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi

số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách/phụ trách công nghệ thông tin tại đơn vị, địa phương

- Kết quả việc đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị.

- Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo nội dung kết quả triển khai nhiệm vụ nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo công nghệ thông tin trong các cấp giáo dục phổ thông và cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Sở Nội vụ báo cáo tình hình triển khai các cơ chế, chính sách thu hút các chuyên gia công nghệ số, nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- UBND cấp huyện báo cáo tình hình, kết quả triển khai thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn, bản (số lượng tổ công nghệ số được thành lập các cấp, tỷ lệ xã triển khai thành lập, hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng trong thời gian qua).

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp

- Kết quả triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025;

- Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các địa phương: thành phố Vinh, thị xã Hoàng Mai, thị xã Thái Hòa báo cáo kết quả hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm điều hành thông minh.

5. Phát triển kinh tế số

- Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Xây dựng báo cáo tình hình, kết quả triển khai xây dựng nền tảng dữ liệu số quản lý ngành nông nghiệp, ứng dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển mạng lưới logistics gắn với thương mại điện tử và chuỗi sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Sở Xây dựng báo cáo tình hình, kết quả triển khai ứng dụng công nghệ số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị; thực hiện quy hoạch, phát triển hạ tầng đô thị theo định hướng phát triển đô thị thông minh;

- Các sở: Sở Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo về tình hình tham mưu ban hành, triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, khai thác các dịch vụ số, tiện ích số để giải quyết thủ tục hành chính, tham gia thương mại điện tử, tiếp cận với các mô hình, kỹ thuật sản xuất trên môi trường số.

- Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo tình hình, kết quả triển khai nhiệm vụ thu hẹp khoảng cách số giữa đô thị với nông thôn, phát triển kỹ năng số và điều kiện tiếp cận dịch vụ số cho người dân vùng nông thôn (vùng biển, miền núi và các địa bàn khó khăn); hỗ trợ người dân vùng khó khăn và dân tộc thiểu số tiếp cận công nghệ số;

- Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch báo cáo tình hình, kết quả triển khai nhiệm vụ phát triển các sản phẩm văn hóa của Nghệ An trên nền tảng công nghệ số, phục vụ rộng rãi người dân trong và ngoài tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo kết quả huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa đầu tư phát triển công nghệ số và kinh tế số tại lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Công an tỉnh báo cáo tình hình tham mưu, hoàn chỉnh các quy định, quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình “4 lớp” thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh; hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin theo nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân được bảo vệ an toàn thông tin và dữ liệu riêng tư, tham gia bình đẳng vào quá trình chuyển đổi số; công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ trên môi trường số.

7. Kết quả triển khai các lĩnh vực ưu tiên

- Các ban, sở, ngành, cơ quan, địa phương báo cáo kết quả chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lựa chọn lĩnh vực ưu tiên, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện chuyển đổi số ở đơn vị, địa phương.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số ngành Giáo dục và đào tạo, triển khai nền tảng phục vụ dạy và học trực tuyến: Sở Giáo dục và đào tạo báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục và đào tạo để kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh; triển khai nền tảng phục vụ dạy và học trực tuyến; ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập hình thành các mô hình giáo dục thông minh trong hệ thống giáo dục của tỉnh; số hóa tài liệu, giáo trình, bài giảng nhằm phát triển hệ thống học liệu cung cấp trực tuyến phục vụ miễn phí cho giáo viên và học sinh trong toàn tỉnh; phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp.

- Chuyển đổi số ngành y tế: Sở Y tế báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ:

+ Triển khai công tác khám chữa bệnh và thanh toán BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn; công tác thanh toán điện tử không dùng tiền mặt; đăng ký khám bệnh trực tuyến, tiếp đón người bệnh bằng thẻ CCCD gắn chip

hoặc qua ứng dụng VNeID, VssID.

+ Triển khai phần mềm dùng chung tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; Phần mềm quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử.

+ Triển khai Bệnh án điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh trong và ngoài công lập triển khai bệnh án điện tử theo Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số về tài nguyên và môi trường: Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu số về tài nguyên và môi trường của tỉnh, hình thành và chia sẻ dữ liệu bản đồ số dùng chung của tỉnh phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ số của chính quyền các cấp; ứng dụng các nền tảng công nghệ số, các giải pháp kỹ thuật hiện đại trong quan trắc, giám sát, xử lý các vấn đề về tài nguyên và môi trường.

- Triển khai ứng dụng nền tảng du lịch thông minh: Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch báo cáo tình hình, kết quả triển khai ứng dụng nền tảng du lịch thông minh, số hoá hệ thống dữ liệu về du lịch.

- Triển khai ứng dụng nền tảng số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao: Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ: Triển khai ứng dụng nền tảng công nghệ số trong quản lý các di tích lịch sử, di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, quản lý nghệ thuật biểu diễn, quản lý đào tạo huấn luyện thể thao thành tích cao, bảo tàng số, thư viện điện tử; cung cấp dịch vụ bảo tàng số, thư viện số.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ: Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; nâng cấp, hoàn thiện, triển khai mới các nền tảng công nghệ số phục vụ công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực thuộc ngành như: Quản lý hồ chứa, công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn, đê điều, phòng chống lụt bão; quản lý sản xuất và phòng chống dịch bệnh, sâu bệnh trên cây trồng, vật nuôi; giám sát, quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; quản lý, giám sát khai thác và nuôi trồng thủy sản; quản lý hợp tác xã nông nghiệp; quản lý bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới và di cư tự do; quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn; ứng dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm minh bạch, chính xác, an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số quản lý ngành Giao thông vận tải: Sở Xây dựng báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số quản lý ngành Giao thông vận tải và triển khai các giải pháp về giám sát, quản lý giao thông thông minh.

- Chuyển đổi số trong hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối và bán điện: Điện lực Nghệ An báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ: Chuyển đổi số trong hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối và bán điện nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, hướng đến tự động hóa công tác giám sát, quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn, kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ điện thông minh, nâng cao hiệu quả hoạt động điện lực trên địa bàn.

- Công an tỉnh Nghệ An báo cáo tình hình, kết quả triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

III. NHỮNG VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

Nêu rõ những tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân trong quá trình triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề xuất, kiến nghị cụ thể để khắc phục các hạn chế, vướng mắc.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Căn cứ nội dung, yêu cầu tại Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025, căn cứ kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong 03 năm qua, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số trong thời gian tới phù hợp, hướng tới thực hiện thành công Nghị quyết số 09-NQ/TU của cơ quan, đơn vị; thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao.

**Phụ lục 03: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
CÁC NHIỆM VỤ CHUNG ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TU VÀ CÁC KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: 171 /KH-UBND ngày 17 /3/2025 của UBND tỉnh)

Stt	Nội dung công việc	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 8 năm 2025 (ước tính)	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục	Ghi chú (Đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025)
1	Nhiệm vụ.....				
2	Nhiệm vụ....				
3	Nhiệm vụ.....				
4	Nhiệm vụ.....				

**Phụ lục 04: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TU VÀ CÁC KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số:171 /KH-UBND ngày 17 /3/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị được giao chủ trì triển khai	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 8 năm 2025 (ước tính)	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục
I	Chính quyền số				
1	Duy trì, cập nhật Kiến trúc CQĐT tỉnh Nghệ An	Sở KH&CN			
2	Thuê phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	Sở KH&CN			
3	Duy trì, nâng cấp hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An	Văn phòng UBND tỉnh			
4	Thuê mạng truyền số liệu chuyên dùng	Sở KH&CN			
5	Xây dựng hệ thống thông tin nguồn	Sở KH&CN			
6	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An	Văn phòng UBND tỉnh			
7	Nâng cấp Hệ thống thư công vụ của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh			
8	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với bộ, ngành, trung ương.	Văn phòng UBND tỉnh			
9	Duy trì và nâng cấp thiết bị Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Nghệ An	Sở KH&CN			
10	Thuê dịch vụ CNTT: Công thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Nghệ An trên thiết bị di động, giai đoạn 2023-2025	Sở VHTT&DL			
11	Hệ thống phần mềm quản lý các dự án đầu tư	Sở Tài chính			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị được giao chủ trì triển khai	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 8 năm 2025 (ước tính)	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục
	tỉnh Nghệ An				
12	Xây dựng các hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) có khả năng kết nối với Trung ương (Trục kết nối liên thông, hệ thống quản lý danh mục dùng chung, định danh điện tử, hệ thống giám sát, CSDL dùng chung)	Sở KH&CN			
13	Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	Trung tâm KHCN&TT (Sở KH&CN)			
14	Thuê Hệ thống thông tin phục vụ họp không giấy tờ	Văn phòng UBND tỉnh			
15	Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án thí điểm xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030	Sở KH&CN			
16	Triển khai Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước	Sở KH&CN			
17	Số hóa, xây dựng bản đồ số mạng viễn thông tỉnh Nghệ An	Sở KH&CN			
18	Xây dựng phần mềm và bộ chỉ số đánh giá chỉ số chuyên đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương (bao gồm cấp huyện và cấp xã) trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở KH&CN			
II	Bảo đảm An toàn thông tin	Sở KH&CN			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị được giao chủ trì triển khai	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 8 năm 2025 (ước tính)	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục
1	Mua sắm, cài đặt hệ thống phòng chống virus, mã độc tập trung tỉnh Nghệ An	Sở KH&CN			
2	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC)	Sở KH&CN			
3	Đầu tư thiết bị đầu cuối kèm các giải pháp kỹ thuật phục vụ bảo mật cho lãnh đạo UBND tỉnh, các đơn vị cấp sở và UBND cấp huyện	Sở KH&CN			
4	Đầu tư trang thiết bị, kết nối mạng đồng bộ đạt chuẩn kỹ thuật trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện			
5	Xây dựng các hệ thống kỹ thuật, hệ thống thông tin bảo đảm ATTT phục vụ phát triển Chính quyền điện tử; triển khai các hoạt động bảo đảm ATTT theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	Sở KH&CN			
6	Triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo, đầu tư công cụ rò quét lỗ hổng, mã độc, hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng	Sở KH&CN			
III	Phát triển nhân lực Chuyển đổi số				
1	Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Nghệ An	Sở KH&CN			
2	Đào tạo, tập huấn kiến thức về chuyển đổi số	Sở KH&CN			
3	Tăng cường công tác tuyên truyền về: chuyển	Sở KH&CN			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị được giao chủ trì triển khai	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 8 năm 2025 (ước tính)	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục
	đổi số, phát triển Chính quyền điện tử, Đô thị thông minh				
4	Trang bị mới, nâng cấp cơ sở vật chất phòng học phục vụ đào tạo chuyển đổi số tại Trung tâm CNKH&CN Nghệ An	Trung tâm KHCN&TT (Sở KHCN)			
5	Xây dựng và triển khai nền tảng học trực tuyến mở đại trà	Sở KH&CN			
IV	Chuyển đổi số các lĩnh vực				
1	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành Kho Dữ liệu ngành - Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo Dục và Đào tạo			
2	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành Kho Dữ liệu ngành - Y tế	Sở Y tế			
3	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành Kho Dữ liệu ngành An sinh xã hội	Sở Giáo Dục và Đào tạo			
4	Xây dựng CSDL, HTTT dùng chung quản lý Công chứng Chứng thực	Sở Tư Pháp			
5	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung chuyên ngành Văn hóa	Sở VH-TT&DL			
6	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung ngành Nội vụ	Sở Nội vụ			
7	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung chuyên ngành Nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị được giao chủ trì triển khai	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 8 năm 2025 (ước tính)	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục
8	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung chuyên ngành Công Thương	Sở Công Thương			
9	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT do bộ, ngành triển khai	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện			

Phụ lục 05: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO DÀNH CHO UBND CẤP XÃ
Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển
khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025

(Kèm theo Kế hoạch số:171 /KH-UBND ngày 17 /3/2025 của UBND tỉnh)

1. Đặc điểm tình hình tại địa phương

- Về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội: các đặc điểm về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân số, kinh tế, xã hội, tiềm năng lợi thế địa phương,...

- Về tình hình hiện trạng có liên quan đến triển khai chuyển đổi số trước khi triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025: về cơ sở vật chất hạ tầng (mạng LAN, máy tính, máy quét, mạng Internet, thông tin liên lạc, đài truyền thanh cơ sở,...); về triển khai ứng dụng các phần mềm; về trình độ ứng dụng CNTT của cán bộ UBND xã và người dân tại địa phương; ứng dụng CNTT và thanh toán không dùng tiền mặt tại trường học, trạm y tế, cộng đồng dân cư.

2. Công tác chỉ đạo tổ chức triển khai: Các văn bản chỉ đạo, các cơ chế chính sách, phương pháp triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025 tại địa phương.

3. Kết quả triển khai các nhiệm vụ tại địa phương

a) Về chính quyền số:

- Việc trang bị máy tính, thiết bị phụ trợ cần thiết tối thiểu và đảm bảo cấu hình, tốc độ để ứng dụng, hoạt động trong công việc.

- Kết quả sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ.

- Triển khai hệ thống giải quyết thủ tục hành chính VNPT-IGate (về: tỷ lệ thủ tục hành chính được chuẩn hóa quy trình nội bộ; được xây dựng, cập nhật, cấu hình quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống Một cửa điện tử của xã; tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp nộp trực tiếp được tiếp nhận, xử lý tại quầy của Bộ phận Một cửa của xã; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật đầy đủ thông tin; tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính/thủ tục hành chính liên thông được luân chuyển đúng quy trình điện tử đã được cấu hình trên hệ thống Một cửa điện tử của xã, của huyện, của tỉnh; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến).

- Triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành VNPT-IOffice (tỷ lệ văn bản đến được xử lý đúng quy trình trên hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành; tỷ lệ văn bản đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số theo quy định và xử lý, luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ văn bản mật theo quy định)).

- Việc triển khai kênh tương tác, giao tiếp giữa chính quyền với người

dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã (có/không triển khai kênh tương tác, giao tiếp giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã qua các dịch vụ mạng xã hội như: Facebook, Zalo).

- Triển khai vận hành Trang thông tin điện tử xã: số liệu cập nhật thông tin trên Trang thông tin điện tử của xã.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức kỹ năng số cơ bản (tỷ lệ cán bộ, công chức tại xã được đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức kỹ năng số cơ bản; sử dụng thành thạo các nền tảng số, hệ thống thông tin, phần mềm đang ứng dụng tại xã).

b) Về kinh tế số:

- Tình hình triển khai thương mại điện tử ở các cơ sở kinh doanh, hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

- Tình hình ứng dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của người dân trên địa bàn.

c) Về xã hội số:

- Kết quả triển khai phần mềm quản lý thông tin nhà trường, phần mềm quản lý thông tin y tế xã, phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử, phần mềm thống kê y tế điện tử, phần mềm quản lý tiêm chủng (tỷ lệ các trường trên địa bàn xã từ cấp tiểu học trở lên triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, dạy và học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tỷ lệ người dân trên địa bàn xã biết và được tiếp cận với các dịch vụ y tế thông minh).

- Kết quả thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số cho người dân trên địa bàn (tỷ lệ người dân trên địa bàn xã được thông tin, tuyên truyền, nắm bắt được về chuyển đổi số; hưởng ứng, đồng thuận với các hoạt động chuyển đổi số tại xã).

- Tình hình, kết quả triển khai thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn, bản (số lượng tổ công nghệ số được thành lập các cấp, hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng trong thời gian qua).

4. Đánh giá kết quả triển khai, kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: tập trung về kết quả công tác tổ chức, chỉ đạo, theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả triển khai tại địa phương trong thời gian qua.

5. Kiến nghị đề xuất: Đề nghị cụ thể các kiến nghị đề xuất tập trung vào các nội dung triển khai: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo những đánh giá ở trên.

6. Đề xuất nhiệm vụ trong thời gian tới

Căn cứ nội dung, yêu cầu tại Nghị quyết số 09-NQ/TU và các kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số đến năm 2025, căn cứ kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong 03 năm qua và các tiêu chí liên quan đến chuyển đổi số

thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, UBND cấp xã đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số trong thời gian tới phù hợp, hướng tới thực hiện thành công Kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025 và các nhiệm vụ, kế hoạch triển khai nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao của địa phương.